

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN XÉT HỌC BỔNG
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018-2019

Điều kiện được xét cấp học bổng như sau:

- 1. Xét kết quả học tập trên thang điểm 4 (Theo quy định 289/QĐ-ĐHM và Số 2828 của Trường Đại học Mở Hà Nội)
- 2. Sinh viên đạt kết quả học tập từ Khá trở lên (Không tính điểm học lại, nâng điểm)
- 3. Sinh viên đạt kết quả rèn luyện từ Khá trở lên (Điểm rèn luyện >= 70)
- 4. Sinh viên không vi phạm quy chế thi, quy định của Khoa, Trường

Các mức xét học bổng như sau:

Khóa 24KT1, KT2: Xét từ 3.60; Khóa 24QT1, QT2: Xét từ 3.61

Khóa 25KT1, KT2: Xét từ 3.71; Khóa 25QT1, QT2: Xét từ 3.31

Khóa 26KT: Xét từ 3.00; Khóa 26QT: Xét từ 3.25

Khóa 27KT: Xét từ 3.46; Khóa 27QT: Xét từ 3.71

Nếu sinh viên có Điểm trung bình học tập bằng nhau thì xét tiêu chí thứ 2 là Điểm rèn luyện

STT	Lớp	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới	TBC HK	Điểm RL	Loại HB	Số tiền HB
1	K24KT1	15A41010118	Hoàng Thu Huyền	'13/02/1997	Nữ	3.9	77	Khá	3,735,000
2	K24KT1	15A41010044	Nguyễn Hồng Ngọc	'19/10/1997	Nữ	3.7	79	Khá	3,735,000
3	K24KT1	15A41010006	Nguyễn Thị Minh Phương	'23/02/1997	Nữ	3.7	79	Khá	3,735,000
4	K24KT1	15A41010068	Nguyễn Thị Ngọc	'15/06/1997	Nữ	3.62	81	Giỏi	4,108,000
5	K24KT1	15A41010114	Phạm Thị Vân Anh	'08/07/1997	Nữ	3.67	76	Khá	3,735,000
6	K24KT1	15A41010110	Nguyễn Hà Anh	'09/07/1997	Nữ	3.6	95	Xuất sắc	4,855,000
7	K24KT1	15A41010041	Nguyễn Thị Huế	'08/08/1997	Nữ	3.6	74	Khá	3,735,000
8	K24KT2	15A41010040	Đỗ Thị Bích Ngọc	'18/05/1997	Nữ	4.00	90	Xuất sắc	4,855,000
9	K24KT2	15A41010147	Nguyễn Thị Thảo	'29/10/1997	Nữ	3.80	90	Xuất sắc	4,855,000
10	K24KT2	15A41010162	Trịnh Thu Thảo	'02/09/1997	Nữ	3.67	73	Khá	3,735,000
11	K24KT2	15A41010121	Phạm Thị Thuỷ	'10/05/1997	Nữ	3.60	84	Giỏi	4,108,000
12	K24QT1	15A42010017	Lê Hà Linh Phương	'01/11/1994	Nữ	3.86	77	Khá	4,482,000
13	K24QT1	15A42010018	Nguyễn Thị Chinh	'12/09/1997	Nữ	3.75	79	Khá	4,482,000
14	K24QT1	15A42010027	Trần Thị Lương	'28/07/1997	Nữ	3.72	75	Khá	4,482,000
15	K24QT1	15A42010057	Phạm Ngọc Lan	'10/01/1997	Nữ	3.67	77	Khá	4,482,000
16	K24QT1	15A42010042	Nguyễn Thị Nường	'27/07/1997	Nữ	3.61	90	Xuất sắc	5,826,000
17	K24QT2	15A42010021	Nguyễn Thị Hà Trang	'30/03/1996	Nữ	3.78	79	Khá	4,482,000
18	K25KT1	16A41010042	Đỗ Thùy Dương	'03/12/1998	Nữ	4.00	79	Khá	3,486,000
19	K25KT1	16A41010029	Bùi Thị Huyền Trang	'23/08/1998	Nữ	3.89	84	Giỏi	3,834,000
20	K25KT1	16A41010055	Bùi Thị Diệu Ly	'18/09/1998	Nữ	3.75	84	Giỏi	3,834,000
21	K25KT1	16A41010093	Hoàng Thị Thúy Hồng	'11/08/1998	Nữ	3.71	83	Giỏi	3,834,000
22	K25KT1	16A41010012	Đặng Thị Mai	'05/05/1998	Nữ	3.71	84	Giỏi	3,834,000
23	K25KT1	16A41010022	Nguyễn Hồng Nhung	'10/01/1998	Nữ	3.71	84	Giỏi	3,834,000

STT	Lớp	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới	TBC HK	Điểm RL	Loại HB	Số tiền HB	
24	K25KT2	16A41010104	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	'17/02/1998	Nữ	4.00	80	Giỏi	3,834,000
25	K25KT2	16A41010131	Mai Thị	Ngoan	'04/04/1998	Nữ	3.79	82	Giỏi	3,834,000
26	K25KT2	16A41010056	Lê Thị	Tập	'12/10/1998	Nữ	3.79	80	Giỏi	3,834,000
27	K25KT2	16A41010054	Trương Thị Minh	Thúy	'24/02/1998	Nữ	3.79	80	Giỏi	3,834,000
28	K25KT2	16A41010169	Nguyễn Thị	Quỳnh	'03/05/1997	Nữ	3.71	82	Giỏi	3,834,000
29	K25QT1	16A42010049	Nguyễn Thu	Hương	'15/11/1998	Nữ	3.53	82	Giỏi	4,382,000
30	K25QT1	16A42010062	Nguyễn Thị Hương	Liên	'03/08/1998	Nữ	3.5	83	Giỏi	4,382,000
31	K25QT1	16A42010041	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	'15/03/1998	Nữ	3.41	77	Khá	3,984,000
32	K25QT1	16A42010073	Hoàng Thị	Huyền	'08/11/1998	Nữ	3.31	75	Khá	3,984,000
33	K25QT2	16A42010050	Phạm Thị	Dung	'09/09/1998	Nữ	3.56	82	Giỏi	4,382,000
34	K25QT2	16A42010035	Trần Thị	Giang	'26/05/1998	Nữ	3.44	77	Khá	3,984,000
35	K25QT2	16A42010125	Hồ Thị Quỳnh	Mai	'17/09/1998	Nữ	3.38	77	Khá	3,984,000
36	K25QT2	16A42010077	Nguyễn Ngọc	Thủy	'14/10/1998	Nữ	3.31	77	Khá	3,984,000
37	K26KT	17A41010052	Hoàng Hà	My	'05/08/1999	Nữ	3.50	77	Khá	4,365,000
38	K26KT	17A41010058	Nguyễn Đan	Phượng	'08/07/1999	Nữ	3.50	80	Giỏi	4,801,000
39	K26KT	17A41010118	Nguyễn Thị	Trang	'08/11/1999	Nữ	3.38	80	Giỏi	4,801,000
40	K26KT	17A41010103	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	'22/03/1999	Nữ	3.25	80	Giỏi	4,801,000
41	K26KT	17A41010059	Phạm Thị Thanh	Huyền	'20/11/1999	Nữ	3.13	79	Khá	4,365,000
42	K26KT	17A41010070	Đàm Khánh	Linh	'16/04/1999	Nữ	3.13	79	Khá	4,365,000
43	K26KT	17A41010007	Lê Thị	Duyên	'10/02/1999	Nữ	3.00	79	Khá	4,365,000
44	K26KT	17A41010062	Lò Thị	Tâm	'20/10/1999	Nữ	3.00	79	Khá	4,365,000
45	K26QT	17A42010005	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	'01/06/1999	Nữ	4.00	84	Giỏi	4,801,000
46	K26QT	17A42010002	Nguyễn Trà	My	'16/11/1999	Nữ	3.75	82	Giỏi	4,801,000
47	K26QT	17A42010062	Nguyễn Thị Diệu	Linh	'15/03/1999	Nữ	3.63	74	Khá	4,365,000
48	K26QT	17A42010109	Lê Thị Minh	Hào	'15/08/1999	Nữ	3.5	79	Khá	4,365,000
49	K26QT	17A42010036	Nguyễn Huyền	Chi	'11/09/1999	Nữ	3.25	80	Giỏi	4,801,000
50	K26QT	17A42010035	Trịnh Ngọc	Mai	'13/04/1999	Nữ	3.25	80	Giỏi	4,801,000
51	K26QT	17A42010129	Nguyễn Thị	Thịnh	'30/11/1999	Nữ	3.25	88	Giỏi	4,801,000
52	K27KT1	18A41010113	Nghiêm Thị Ngọc	Ánh	'16/12/2000	Nữ	3.71	84	Giỏi	6,930,000
53	K27KT1	18A41010159	Hoàng Thị Ngọc	Anh	'01/07/2000	Nữ	3.50	80	Giỏi	6,930,000
54	K27KT1	18A41010197	Trần Thị Phương	Anh	'27/07/2000	Nữ	3.50	81	Giỏi	6,930,000
55	K27KT1	18A42010283	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	'23/10/2000	Nữ	3.50	82	Giỏi	6,930,000
56	K27KT1	18A41010033	Nguyễn Thị Thu	Thúy	'08/05/2000	Nữ	3.46	73	Khá	6,300,000
57	K27KT2	18A41010181	Nguyễn Thị Kim	Ngân	'16/09/2000	Nữ	3.50	76	Khá	6,300,000
58	K27KT2	18A41010133	Hoàng Thị	Diện	'11/04/1999	Nữ	3.46	71	Khá	6,300,000
59	K27KT2	18A41010013	Vương Thị	Oanh	'25/10/2000	Nữ	3.46	88	Giỏi	6,930,000
60	K27QT1	18A42010117	Trần Thị Tường	Vy	'04/04/2000	Nữ	4.00	88	Giỏi	6,930,000

STT	Lớp	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới	TBC HK	Điểm RL	Loại HB	Số tiền HB
61	K27QT2	18A42010165	Chu Thảo Hà	'05/06/2000	Nữ	3.86	82	Giỏi	6,930,000
62	K27QT2	18A42010253	Bùi Đặng Quỳnh Anh	'03/04/2000	Nữ	3.82	77	Khá	6,300,000
63	K27QT2	18A42010046	Chu Hồng Ngọc	'09/11/2000	Nữ	3.75	82	Giỏi	6,930,000
64	K27QT2	18A42010115	Hoàng Thị Thu Hoài	'11/08/2000	Nữ	3.71	77	Khá	6,300,000
65	K27QT2	18A42010271	Đào Mai Phương	'23/09/2000	Nữ	3.71	77	Khá	6,300,000
66	K27QT3	18A42010109	Nguyễn Ngọc Ánh	'30/08/2000	Nữ	3.82	79	Khá	6,300,000
67	K27QT3	18A42010032	Nguyễn Thị Thu Trang	'02/08/2000	Nữ	3.75	84	Giỏi	6,930,000
68	K27QT3	18A42010262	Nguyễn Thị Hằng	'06/01/2000	Nữ	3.71	79	Khá	6,300,000
69	K27QT3	18A42010084	Nguyễn Thị Minh Hòa	'12/01/2000	Nữ	3.71	79	Khá	6,300,000

336,352,000

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

KHOA KINH TẾ

Sinh viên có ý kiến, thắc mắc xin liên hệ

Cô Nguyễn Kim Dung, Thầy Phạm Văn Tuấn - Phòng giáo vụ - Phòng 206 - Khu giảng đường Khoa Kinh tế

Sinh viên có tên trên danh sách gặp Thầy Phạm Văn Tuấn để ghi thông tài khoản ngân hàng

Mọi ý kiến thắc mắc trước 10h ngày 02/04/2019

Sau thời gian trên Khoa Kinh tế sẽ xét những sinh viên có tên trong Danh sách trên.